| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐÔNG ANH**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 363/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 12-07-2021.
*Về việc:"Tranh chấp ly hôn".*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Ngọc Lân.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1, Bà Hoàng Thị An.
2, Bà Lê Thị Thu Lý.

**Thư ký phiên tòa**: Bà Nguyễn Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa**: Bà Hoàng Thị Hồng Chiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 07 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 256/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 05 năm 2021, về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXX-ST ngày 04 tháng 06 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số 30/2021/QĐHPT-ST ngày 23 tháng 06 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Thế H , sinh năm 1963; Trú tại: Thôn Th, xã B, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Có mặt.

*2. Bị đơn:* Bà Phạm Thị L, sinh năm 1967; Nơi cư trú cuối cùng: Thôn Th, xã B, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ly hôn ghi ngày 09 tháng 04 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn trong vụ án là ông Nguyễn Thế Htrình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị L xây dựng gia đình với nhau năm 1984, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B ngày 03 tháng 12 năm 1984 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Cưới xong, vợ chồng ở tại thôn Th, xã B, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Những năm đầu chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc không có mâu thuẫn gì xảy ra. Cuối năm 1993, không hiểu lý do gì bà L đã bỏ về ở nhà bố mẹ đẻ bà bên thôn T, xã N, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, để cho ông một mình phải nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con nhỏ. Cuối năm 1994, bà L có quay về xin lỗi để vợ chồng đoàn tụ cùng nha u làm ăn nuôi con , ông cũng chấp nhận nhưng chỉ được thời gian ngắn thì bà L bất ngờ mang theo 02 người con song sinh của vợ chồng bỏ đi biệt tích

khỏi địa phương. Năm 2005, bà L cùng hai con về nhà bố mẹ đẻ bà chơi ít ngày rồi bỏ đi từ đó đến nay, không có tin tức gì, mặc dù ông đã tìm kiếm khắp nơi nhưng không có kết quả.

Năm 2020, ông làm đơn đề nghị Toà án tuyên bố mất tích đối với bà L cùng hai con là chị Nguyễn Bích H , anh Nguyễn Mạnh H , được Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội giải quyết tại các Quyết định giải quyết việc dân sự số: 72, 73 và 74/2021/QĐST-DS ngày 30 tháng 03 năm 2021 đã có hiệu lực pháp luật. Đến nay, bà L và hai con vẫn không có tin tức gì. Ông xác định hôn nhân giữa ông và bà L không hạnh phúc nên xin được ly hôn bà L để sớm ổn định cuộc sống riêng của mình.

- Về con chung: Ông và bà L có 03 con chung đã thành niên là: Nguyễn Thu L, sinh năm 1985; Nguyễn Bích H và Nguyễn Mạnh H cùng sinh ngày 20 tháng 05 năm 1988. Chị L khỏe mạnh bình thường và đang ở với ông ; chị H và anh H khi sinh ra đều phát triển bình thường, còn tình trạng sức khỏe hiện nay của anh chị như thế nào thì ông không biết. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống , giữa ông và bà L không có tài sản chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là bà Phạm Thị L đã bỏ đi mất tích, hiện không có mặt tại nơi cư trú nên Toà án không lấy được lời khai của bà L.

Tại phiên toà, nguyên đơn là ông Nguyễn Thế H vẫn giữ nguyên lời khai và quan điểm của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện hoàn toàn đầy đủ, đúng với các qui định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án.

- Nguyên đơn là ông Nguyễn Thế H đã chấp hành đầy đủ các Thông báo, Quyết định tố tụng của Toà án, các qui định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn là bà Phạm Thị L hiện mất tích, không có mặt tại nơi cư trú, không có tin tức gì và vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết, xét xử vụ án của Toà án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều: 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

- Chấp nhận Đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Thế H đối với bà Phạm Thị L.

- Về con chung: Các con chung của ông H bà L đã thành niên, nên không phải đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung: Không giải quyết.

- Về án phí: Ông H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về tố tụng**:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trong vụ án là bà Phạm Thị L đã được Tòa án tuyên bố mất tích, hiện không có mặt tại nơi cư trú; Tòa án thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập bà L đến phiên hòa giải, phiên tòa bằng thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quyết định đưa vụ án ra xét xử và giành quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

**[2]. Về nội dung**:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thế H và bà Phạm Thị L xây dựng gia đình với nhau năm 1984, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội ngày 03 tháng 12 năm 1984, hôn nhân đó là hợp pháp. Sau khi cưới, ông H và bà L chung sống với nhau tại thôn Th, xã B.

Ông bà chung sống với nhau hoà thuận đến cuối năm 1993 thì bà L tự ý bỏ về ở nhà bố mẹ đẻ bà tại thôn T, xã N. Cuối năm 1994, bà L đã mang 02 người con song sinh của vợ chồng là chị Hvà anh H bỏ đi biệt tích khỏi địa phương. Năm 2005, mẹ con bà L có về nhà bố mẹ đẻ bà ở ít ngày rồi tiếp tục bỏ đi , từ đó đến nay không có tin tức gì.

Xét thấy, để có một cuộc hôn nhân hoà thuận, hạnh phúc phải dựa trên cơ sở của sự thương yêu, tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống giữa vợ chồng. Đối với ông H và bà L thì không được như vậy, hôn nhân giữa ông bà không tồn tại trên thực tế đến nay đã gần 30 năm. Hai người sống ly thân nhau từ cuối năm 1994 và bà L đã chính thức bỏ đi biệt tích từ năm 2005 đến nay không có tin tức gì, ông H đã thực hiện các biện pháp tìm kiếm đối với bà L nhưng không có kết quả. Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 72/2021/QĐST-DS ngày 30 tháng 03 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội đã có hiệu lực pháp luật đã tuyên bố bà Phạm Thị L mất tích. Như vậy, mục đích hôn nhân của ông H, bà L không đạt được là xây dựng gia đình hạnh phúc, nếu kéo dài hôn nhân của hai người cũng không đảm bảo tồn tại lâu dài.

Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

*"Điều 51. Quyền yêu cầu giải quyết ly hôn*

*1. Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.*

*Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên*

*...*

*2. Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn".*

Đối chiếu với quy định nêu trên, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà L để mỗi bên sớm ổn định cuộc sống riêng của mình là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Ông Nguyễn Thế H và bà Phạm Thị L có 03 người con chung đều đã thành niên là : Nguyễn Thu L , sinh năm 1985; Nguyễn Bích H và Nguyễn Mạnh H cùng sinh ngày 20 tháng 05 năm 1988. Khi ông bà ly hôn , Toà án không phải đặt ra giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà Phạm Thị L hiện bỏ đi mất tích; Ông Nguyễn Thế H không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung, nên Tòa án không xét.

[2.4]. Về án phí: Ông H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[2.5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[2.6]. Quan điểm về việc giải quyết vụ án của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

***Vì những lẽ trên***

## QUYẾT ĐỊNH

**Căn cứ**:

- Khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, Điều 220; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử**:

**1,** Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Thế H.

Ông Nguyễn Thế H được ly hôn bà Phạm Thị L.

**2,** Về con chung: Ông Nguyễn Thế H và bà Phạm Thị L có 03 người con chung đều đã thành niên là : Chị Nguyễn Thu L , sinh năm 1985; chị Nguyễn Bích H và anh Nguyễn Mạnh H cùng sinh ngày 20 tháng 05 năm 1988. Tòa án không đặt ra giải quyết về cấp dưỡng.

**3,** Về tài sản chung: Toà án chưa giải quyết.

**4,** Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), ông Nguyễn Thế H phải chịu cả. Ông H đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA /2020/0045166 ngày 10 tháng 05 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh , nay được chuyển thành tiền án phí sung vào ngân sách Nhà nước.

**5,** Về quyền kháng cáo : ông Nguyễn Thế H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bà Phạm Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND. huyện Đông Anh;
- Chi cục THADS. huyện Đông Anh;
- UBND. xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Ngọc Lân**